|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Bắc Kạn, ngày tháng năm 2022* |

**BẢN THUYẾT MINH**

**Sửa đổi, bổ sung một điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*(Kèm theo Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh)*

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngày 27/4/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hàng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ các Nghị quyết nêu trên, tại kỳ họp thứ chín, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn NSNN thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND và số 23/NQ-HĐND ngày 19/7/2022.

Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết trên, có một số nội dung quy định chưa phù hợp, cần xem xét điều chỉnh, cụ thể:

***\* Đối với Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022***

Trong quá trình xây dựng Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa xây dựng, quy định, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ, cụ thể:

- Nội dung 2 – Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học thuộc Tiểu dự án 2 - Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, của Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (vốn sự nghiệp).

Lý do chưa xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ: Trên địa bàn tỉnh không có các trường dự bị đại học, đại học, do dự kiến kinh phí sẽ được cấp cho các trường để thực hiện công tác đào tạo theo quy định.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2, điều 49, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bàn dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, ***kinh phí đào tạo đại học, sau đại học được phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện theo phương thức ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học***.

- Tiểu dự án 1 - Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn thuộc Dự án 9 - Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (vốn sự nghiệp).

Lý do chưa xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ: Tỉnh Bắc Kạn không có dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 – 2025; và dự kiến đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn tỉnh sẽ không được phân bổ kế hoạch vốn.

Tuy nhiên, tại Điều 53 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc phạm vi thực hiện của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 có tỉnh Bắc Kạn và tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, tỉnh đã được giao kế hoạch vốn sự nghiệp để thực hiện nội dung của tiểu dự án trên.

- Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bàn dân tộc thiểu số và miền núi và phân bổ kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh, một số nội dung chưa thực sự phù hợp, cần xem xét điều chỉnh: Tiêu chí phân bổ của tiểu dự án 1 thuộc dự án 3; nguyên tắc phân bổ tại tiểu dự án 2 thuộc dự án 3; nguyên tắc phân bổ tại tiểu dự án 4 thuộc dự án 5; nguyên tắc phân bổ tại dự án 7; nguyên tắc phân bổ tại tiểu dự án 2 thuộc dự án 9; nguyên tắc phân bổ tại tiểu dự án 1, 2, 3 thuộc dự án 10.

***\* Đối với Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022***

Trong quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và phân bổ kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh, một số nội dung chưa thực sự phù hợp, cần xem xét điều chỉnh: Nguyên tắc phân bổ tại tiểu dự án 1 thuộc dự án 3; tiêu chí phân bổ tại tiểu dự án 1, 3 thuộc dự án 4; nguyên tắc phân bổ tại tiểu dự án 1 thuộc dự án 6.

Do đó, việc xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định.

**2. Các căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 31 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg).

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hàng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND).

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (gọi tắt là Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND).

**Phần thứ hai**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2022/NQ-HĐND**

**1.** **Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 9**

***- Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 3 - Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Dự án 3 – Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị), quy định:

“*b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho các địa phương như sau:*

*Tiêu chí số 1: Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:***

“*b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho* ***Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn và*** *các địa phương như sau:*

*Tiêu chí số 1: Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ* ***và diện tích rừng tự nhiên do Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn và UBND cấp xã trực tiếp quản lý***”.

Lý do sửa đổi, bổ sung: Tiêu chí số 1 của tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 trong nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi áp dụng theo đúng quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, tại điểm a, mục 3, phần III của Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định “*Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý*”. Bên cạnh đó, hiện nay có một phần diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, tỉnh giao cho Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệpBắc Kạn quản lý, bảo vệ theo quy định.

Như vậy, tiêu chí số 1 của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND còn thiếu nội dung: **“*Diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn theo quy định và diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý*”.**

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung tiêu chí nêu trên là cần thiết để đảm bảo phù hợp với Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực tế của tỉnh. Năm 2022, không thực hiện điều chỉnh giảm kinh phí từ các địa phương về Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệpBắc Kạn vì thời gian điều chỉnh dự toán theo quy định của Luật NSNN phải thực hiện trước 15/11 năm hiện hành. Theo đó, tiêu chí, định mức phân bổ của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệpBắc Kạn được thực hiện bắt đầu từ năm 2023.

**2. Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 9**

***- Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 3 - Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị) quy định: “*Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tối đa 19% tổng số vốn của tiểu dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “****Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tối đa 19% tổng số vốn của tiểu dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi****, thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”****.*

Lý do sửa đổi, bổ sung: Để đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**3.** **Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9**

***- Tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 3 - Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị) quy định “*Phân bổ cho các địa phương thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau***:

*“- Phân bổ cho các địa phương:*

*+ Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị,* ***dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt.***

***+ Thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.***

***+ Thực hiện thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*.**”

Lý do sửa đổi, bổ sung: Để đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.

**4. Sửa đổi khoản 2 Điều 11**

***- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 2 - Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực), quy định:

“*2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (vốn sự nghiệp).*

*- Phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: Phân bổ tối đa 16% tổng số vốn sự nghiệp của nội dung 1, tiểu dự án 2.*

*- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Nội dung tiêu chí*** | ***Số điểm*** | ***Số lượng*** | ***Tổng số điểm*** |
| *1* | *Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số* | *0,204* | *a* | *0,204 x a* |
|  | ***Tổng cộng*** |  |  | ***Xk,i*** |

*Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)*.”

**- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:**

“*2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc;* ***đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*** (vốn sự nghiệp)”.

***a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.***

*- Phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: Tối đa 16% tổng số vốn sự nghiệp* ***của nội dung 1 của*** *tiểu dự án 2.*

*- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Nội dung tiêu chí*** | ***Số điểm*** | ***Số lượng*** | ***Tổng số điểm*** |
| *1* | *Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số* | *0,204* | *a* | *0,204 x a* |
|  | ***Tổng cộng*** |  |  | ***Xk,i*** |

*Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).*

***b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học: Phân bổ 100% tổng vốn sự nghiệp của nội dung 2, tiểu dự án 2 cho Sở Giáo dục và Đào tạo****.”*

Lý do: Tại khoản 2 Điều 49 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định: “*Kinh phí đào tạo đại học, sau đại học được phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện theo phương thức ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học*”. Việc phân bổ 100% tổng vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo là phù hợp, vì Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước tham mưu cho UBND tỉnh về lĩnh vực đào tạo trên địa bàn, theo đó đơn vị thực hiện nội dung hỗ trợ đào tạo đại học, sau đại học cho các đối tượng sẽ đảm bảo thống nhất, tập trung trên địa bàn tỉnh. Về thực tiễn, từ năm 2021 trở về trước Sở Giáo dục và Đào tạo đã được UBND tỉnh giao nhiệm vụ ký kết hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học để đào tạo trình độ đại học theo địa chỉ và đào tạo cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Như vậy, việc phân bổ 100% tổng vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối chủ trì tổ chức thực hiện Nội dung 2. Đào tạo đại học, sau đại học là phù hợp.

**5. Sửa đổi khoản 4 Điều 11**

***- Tại khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 4 - Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực), quy định: “*Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng động và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (vốn sự nghiệp): Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì thực hiện*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau***:

‘- *Phân bổ cho* *Ban Dân tộc tỉnh tối đa 30% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 4.*

*- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135) | 15 | a | 15 x a |
| 2 | Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III) | 1,5 | b | 1,5 x b |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).”

Lý do sửa đổi, bổ sung: Tại thời điểm trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND, dự thảo Thông tư do Ủy ban Dân tộc chủ trì soạn thảo, quy định “*Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo cấp tỉnh là chủ đầu tư tiểu dự án nâng cao năng lực trên địa bàn tỉnh*”.

Tuy nhiên, tại mục 3 Điều 52 Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định: "*Chủ trì đào tạo cấp tỉnh trình UBND cấp tỉnh về việc phân cấp Chủ đầu tư trong triển khai thực hiện Tiểu dự án*"; đồng thời tại dự thảo Khung nâng cao năng lực do Ủy ban Dân tộc soạn thảo quy định nhiều nội dung giao cho cấp huyện thực hiện sẽ phù hợp hơn (*Như: Tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, chuỗi giá trị; nhóm hộ liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm; các chuyên đề theo Đặc thù của địa phương..*); do đó việc phân bổ kế hoạch vốn ở cả cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện sẽ phù hợp trong quá trình triển khai Chương trình.

Việc quy định tỷ lệ phân bổ tối đa 30% cho Ban Dân tộc tỉnh và 70% còn lại phân bổ cho các địa phương được tính toán dựa trên Quyết định số 752/QĐ-UBDT ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN và nhu cầu tập huấn của các huyện do Ban Dân tộc tổng hợp, cụ thể:

- Tại Quyết định số 752/QĐ-UBDT phê duyệt Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng Chương trình, gồm có*: Nhóm cộng đồng 19 chuyên đề*, các chuyên đề này chủ yếu đối tượng là người dân, do vậy cấp huyện, xã trực tiếp thực hiện sẽ phù hợp hơn; *nhóm cán bộ triển khai chương trình* các cấp 18 chuyên đề, các chuyên đề này chủ yếu đối tượng là cán bộ cấp xã, cấp huyện, các sở ngành và một số đối tượng khác, dự kiến do cấp tỉnh thực hiện.

- Về nhu cầu tập huấn: Ban Dân tộc tổng hợp nhu cầu đăng ký tập huấn giai đoạn 2021-2025, tổng số 51.100 lượt người, trong đó:

+ Nhóm cộng đồng 35.459 lượt người chiếm tỷ lệ 69% (tăng 1 % để đảm bảo tỷ lệ theo đề xuất 70% như trên) so với tổng nhu cầu đăng ký, dự kiến nhóm công đồng này do cấp huyện thực hiện theo 19 chuyên đề tại Quyết định 752/QĐ-UBDT ngày 11/10/2022;

+ Nhóm cán bộ triển khai chương trình các cấp 15.641 lượt người 15.641 chiếm tỷ lệ 31% (giảm 1% điểm đảm bảo tỷ lệ theo đề xuất như trên) so với tổng nhu cầu đăng ký, dự kiến nhóm cán bộ triển khai chương trình các do cấp tỉnh thực hiện theo 18 chuyên đề tại Quyết định 752/QĐ-UBDT ngày 11/10/2022;

- Căn cứ tổng số kinh phí dự kiến được giao năm 2023 đối với tiểu dự án 4 thuộc dự án 5 (15.814 triệu đồng) và căn cứ tiêu chí phân bổ tại dự thảo Nghị quyết, mức phân bổ cho Ban Dân tộc và các huyện, thành phố như sau:

+ Ban Dân tộc: 4.744 triệu đồng.

+ Các huyện, thành phố: 11.070 triệu đồng. Theo đó, dự kiến mức chi bình quân của một lớp tập huấn tại cấp huyện hoặc cấp xã, từ đó dự kiến số lớp tập huấn bình quân trong một năm), cụ thể theo bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị** | **Kinh phí xác đinh theo tiêu chí của khoản 4 Điều 11 dự thảo sửa đổi NQ** | *Kinh phí tập huấn tại trung tâm huyện hoặc tại trung tâm xã* | | *Số lớp tập huấn tại trung tâm huyện hoặc tại trung tâm xã* | |
| **1 lớp tập huấn tại TT huyện: thời gian 4 ngày, số người tham gia 60 người** (triệu đồng) | **1 lớp tập huấn tại TT xã: thời gian 3 ngày, số người tham gia 60 người**  (triệu đồng) | **Số lớp tại TT huyện** (lớp) | **Số lớp tại TT xã** (lớp) |
|  | **Tổng cộng** | **11.070** |  |  | **60** | **103** |
| 1 | Huyện Chợ Mới | 1.356 | 92 | 54 | 7 | 13 |
| 2 | Huyện Chợ Đồn | 1.743 | 92 | 54 | 9 | 16 |
| 3 | Huyện Ngân Sơn | 1.273 | 92 | 54 | 7 | 12 |
| 4 | Huyện Bạch Thông | 1.384 | 92 | 54 | 8 | 13 |
| 5 | Huyện Na Rì | 2.131 | 92 | 54 | 12 | 20 |
| 6 | Huyện Pác Nặm | 1.384 | 92 | 54 | 8 | 13 |
| 7 | Huyện Ba Bể | 1.771 | 92 | 54 | 10 | 16 |
| 8 | Thành phố | 28 | 92 | 54 | 0 | 0 |

Nội dung tập huấn của cấp huyện, gồm: *Tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, chuỗi giá trị; nhóm hộ liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm; các chuyên đề theo đặc thù của địa phương*.

**6.** **Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND**

**- *Tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em) quy định:

“- *Phân bổ cho Sở Y tế: Tối đa 10% vốn sự nghiệp của dự án 7*”.

**-** *Phân bổ cho các địa phương: áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí sau:*

| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mỗi xã khu vực III | 50 | a | 50 x a |
| 2 | Mỗi xã khu vực II | 30 | b | 30 x b |
| 3 | Mỗi xã khu vực I | 15 | c | 15 x c |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

**- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:** “*Phân bổ cho Sở Y tế:* ***Tối đa 100%*** *vốn sự nghiệp của dự án 7*”.

Lý do sửa đổi, bổ sung: Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg thì mục tiêu của dự án là: Cải thiện sức khoẻ của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Theo đó, các nội dung thực hiện của dự án gồm: Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện; Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn; Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã; Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã; Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản; Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm; Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số…

Qua rà soát theo chức năng nhiệm vụ thì các nội dung trên do các Trung tâm y tế các huyện, thành phố và Chi cục dân số trực thuộc Sở Y tế thực hiện. Như vậy, nội dung thực hiện dự án 7 thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Do đó, việc điều chỉnh, phân bổ toàn bộ kinh phí cho Sở Y tế thực hiện là phù hợp với quy định hiện hành.

**7. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất Điều 15**

**- *Tại gạch đầu dòng thứ nhất khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 2 - Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 9 - Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn) quy định “*Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc: Tối đa 20% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau***: “*Phân bổ cho cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 20% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2, trong đó:* ***Ban Dân tộc tối đa 12%; Sở Y tế tối đa 8%***”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

+ Trong quá trình thực hiện, sau khi rà soát lại theo phân công tại Quyết định 1719/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Y tế hướng dẫn chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhận cận huyết thống thuộc Tiểu dự án. Tại Kế hoạch số 432/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN giai đoạn 2021-2025, Sở Y tế được phân công nhiệm vụ phối hợp hướng dẫn, tổ chức thực hiện tiểu dự án về y tế.

Căn cứ các nội dung quy định tại Mục 2 Tiểu dự án 2, Thông tư 02/2022/TT-UBDT, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế và Ban Dân tộc, căn cứ vào kinh nghiệm thực tiễn trong những năm vừa qua Ban Dân tộc đã triển khai nội dung này, cuộc họp thống nhất tỷ lệ phân bổ như trên và nội dung triển khai thực hiện của từng đơn vị như sau:

- Sở Y tế:

(1) Thực hiện công tác tư vấn, can thiệp lồng ghép.

(2) Biên soạn các tài liệu gồm: Tài liệu hỏi - đáp về hôn nhân, gia đình, về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích, tranh cổ động, khẩu hiệu tuyên truyền pháp luật về hôn nhân, dân số và gia đình; biên soạn sổ tay, tài liệu cung cấp thông tin, kiến thức về hôn nhân và gia đình, sức khỏe sinh sản.

- Ban Dân tộc:

(1) Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức: Nội dung thực hiện: Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa; tổ chức các hội thi, cuộc thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

(2) Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

(3) Công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

**8. Bổ sung điều 15a**

***- Tại Điều 15 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** không quy định, đề nghị bổ sung điều 15a với nội dung *- Tiểu dự án 1 - Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn thuộc Dự án 9 - Đầu tư phát triển nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (vốn sự nghiệp)*: “1. Tiểu dự án 1. Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn (vốn sự nghiệp): “Phân bổ 100% tổng vốn ủy thác cho Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh”.

Lý do: Nội dung tại Phương án này phù hợp với dấu cộng thứ hai điểm a, khoản 9 Mục III chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ: “*Hỗ trợ phát triển sinh kế đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất* ***thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt****. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao*”. Đồng thời theo đề xuất của Ủy ban Dân tộc tại Tờ trình số 1377/TTr-UBDT ngày 24/8/2022, đối với nội dung này Ủy ban Dân tộc cũng đang đề xuất với Thủ tướng Chính phủ "*cho phép các địa phương được áp dụng cơ chế hiện hành về quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hành chính sách xã hội đối với nguồn vốn thực hiện nội dung đầu tư có thu hồi của Chương trình MTQG DTTS&MN theo thông tư số 11/2017/TT-BTC*)”. Theo đó, việc ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh làm đầu mối chủ trì thực hiện tiểu dự án trên là phù hợp. Cơ chế thực hiện uỷ thác giao cho UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện.

**9. Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 1 Điều 16**

***- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, khoản 1*** ***Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 1 - Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 thuộc Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình), quy định: “*Phân bổ cho Ban dân tộc tối đa 50% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:*** “*Phân bổ tối đa 50% cho cơ quan cấp tỉnh, trong đó: Ban Dân tộc tối đa 35%; Sở Tư pháp tối đa 15%”.*

Lý do sửa đổi, bổ sung: Trong quá trình xây dựng Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, các cơ quan chuyên môn đề xuất phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, trong quá trình thực hiện Ban Dân tộc tỉnh sẽ chủ động phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định.

Theo Công văn số 1420/BTP-TGPL ngày 05/5/2022 của Bộ Tư pháp ban hành về việc thực hiện nội dung về trợ giúp pháp lý theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ có hướng dẫn như sau: “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí kinh phí và chỉ đạo tổ chức thực hiện nội dung số 3 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10 Chương trình trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; giám sát, đánh giá các nội dung trợ giúp pháp lý theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Sở Tư pháp chỉ đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý quy định tại nội dung số 3 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10 Chương trình để trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chủ động triển khai thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý trên cơ sở kinh phí được phân bổ*”.

Tại Kế hoạch số 432/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế -xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, phân công Sở Tư pháp chủ trì thực hiện đối với nội dung số 03 của tiểu dự án 1 thuộc dự án 10: “*Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đang điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ đã được phân công thực hiện tại Kế hoạch số 432/KH-UBND ngày 07/7/2022, trong đó đối với Nội dung 2, Tiểu Dự án 1, Dự án 10 đề xuất bổ sung phân công nhiệm vụ cho Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu thực hiện. Cụ thể dự kiến giao Sở Tư pháp thực hiện nội dung *“Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền”*.

Do đó, việc điều chỉnh một phần định mức phân bổ từ Ban Dân tộc sang Sở Tư pháp là phù hợp với các quy định hiện hành và chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị. Cơ sở đề xuất tỷ lệ phân bổ tối đa 35% cho Ban Dân tộc tỉnh và tối đa 15% cho Sở Tư pháp được tính toán dựa trên dự toán ngân sách năm 2023, cụ thể:

Năm 2023, dự kiến kinh phí thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 10 là: 11.637 triệu đồng; hiện nay, Ban Dân tộc đã phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng Kế hoạch vốn thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 10. Trong đó:

Nội dung số 1: ***Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín (Ban Dân tộc chủ trì thực hiện),*** gồm các nội dung: Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin tài liệu cho lực lượng cốt cán và người có uy tín; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm ngoài tỉnh; tổ chức các hoạt động hội nghị hội thảo, gặp mặt, tọa đàm với tổng kinh phí dự kiến năm 2023 là ***3.573 triệu đồng.***

Nội dung số 2: ***Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số,*** gồm các nội dung: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền; thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tuyên truyền, truyền thông vận động nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG, với tổng kinh phí dự kiến năm 2023 là **1.665 triệu đồng *(trong đó: Sở Tư pháp chủ trì thực hiện****nội dung Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền dự kiến* ***kinh phí 1.165 triệu đồng****;* ***Ban Dân tộc chủ trì thực hiện*** *các nội dung: Thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tuyên truyền, truyền thông vận động nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG dự kiến* ***kinh phí 500 triệu đồng****).*

Nội dung số 3: ***Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sở Tư pháp chủ trì thực hiện),*** gồm các nội dung: Tổ chức các đợt truyền thông để tuyên truyền về trợ giúp pháp lý, tổ chức các đợt chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập huấn về các kỹ năng phối hợp thông tin điểm về trợ giúp pháp lý tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bồi dưỡng kiến thức trợ giúp pháp lý,với tổng kinh phí dự kiến năm 2023 **là 580 *triệu đồng.***

Với mức kinh phí năm 2023 dự kiến triển khai các nội dung của Ban Dân tộc và Sở Tư pháp như trên đảm bảo tương ứng với tỷ lệ phân bổ cho Ban Dân tộc 35%, Sở Tư pháp 15%. Như vậy, tỷ lệ phân bổ tại dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo phù hợp với Kế hoạch của UBND tỉnh và tình hình triển khai nhiệm vụ thực tế tại các đơn vị.

**10. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, khoản 2 Điều 16**

***- Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2*** ***Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình), quy định: “*Phân bổ cho Ban Dân tộc: Tối đa 15% vốn đầu tư của tiểu dự án 2*”.

***- Đề nghị sửa đổi như sau:*** “ *Phân bổ cho* ***Sở Thông tin và Truyền thông****:* ***Tối đa 15% vốn đầu tư*** *của tiểu dự án 2*”.

Lý do sửa đổi: Hiện nay các bộ, ngành Trung ương đều đã cơ bản ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình, sau khi xem xét các văn bản hướng dẫn, UBND tỉnh đang điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ đã được phân công thực hiện tại Kế hoạch số 432/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh, trong đó đối với Tiểu Dự án 2, Dự án 10 đề xuất bỏ nội dung: “Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo trung ương liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình” đang phân công Ban Dân tộc chủ trì tham mưu thực hiện và bổ sung nội dung “Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030”, đề xuất phân công Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tham mưu thực hiện.

Do đó, việc điều chỉnh tỷ lệ phân bổ của Ban Dân tộc sang cho Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện nội dung: “Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030” để đảm bảo đúng theo chức năng, nhiệm vụ.

**11. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, khoản 2 Điều 16**

*-* ***Tại gạch đầu dòng thứ 1, điểm b, khoản 2* *Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND***(Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình), quy định: “*Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 67% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2, trong đó: Ban Dân tộc tối đa 50%; Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 17%.*”.

- Đề nghị sửa đổi như sau: “Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 67% vốn sự nghiệp của Tiểu Dự án 2, trong đó: ***Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 50%, Liên minh hợp tác xã tối đa 17%***”.

Lý do sửa đổi, bổ sung: Trong quá trình xây dựng Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND, các cơ quan chuyên môn không đề xuất phân bổ vốn cho cho Liên minh Hợp tác xãthực hiện vì tại thời điểm xây dựng Nghị quyết, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chưa hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, từ đó Liên minh Hợp tác xãchưa có cơ sở đề xuất phân bổ kinh phí, do đó UBND tỉnh đã tham mưu ban hành Nghị quyết với tỷ lệ 50% giao Ban Dân tộc và 17% giao Sở Thông tin và Truyền thông.

Tuy nhiên, ngày 27/7/2022 Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ban hành Công văn số 523/LMHTXVN-KHHT về việc triển khai nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó hướng dẫn Liên minh Hợp tác xã các tỉnh, thành phố nội dung thực hiện như sau: *“Xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại điện tử (TMĐT), chợ sản phẩm trực tuyến, tư vấn, đưa sản phẩm lên sàn TMĐT, chợ trực tuyến, tuyên truyền, đào tạo tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng TMĐT cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS&MN; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động TMĐT; kết nối mở rộng thị trường cho các sản phẩm của vùng đồng bào DTTS&MN.”*

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đang điều chỉnh, bổ sung một số nhiệm vụ đã được phân công thực hiện tại Kế hoạch số 432/KH-UBND ngày 07/7/2022, trong đó đối với Tiểu Dự án 2, Dự án 10 đề xuất bỏ nội dung: “*Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo trung ương liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình*” đang phân công Ban Dân tộc chủ trì tham mưu thực hiện và bổ sung nội dung cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tham mưu thực hiện *“Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*”.

Do đó, việc điều chỉnh giảm tỷ lệ phân bổ của Ban Dân tộc sang cho Sở Thông tin và Truyền thông và Liên minh hợp tác xã tỉnh để thực hiện tiểu dự án 2 là dự án 10 là phù hợp.

**12. Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ 1, khoản 3 Điều 16**

***- Tại gạch đầu dòng thứ 1, khoản 3 Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình thuộc Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình), quy định: “*Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh tối đa 55% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3 (****Ban Dân tộc tối đa 23,5%,*** *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối đa 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo tối đa 01%, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tối đa 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tối đa 01%, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tối đa 01%, Sở Y tế tối đa 01%, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh tối đa 01%, Sở Tài chính tối đa 01%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tối đa 10%, Sở Kế hoạch và Đầu tư tối đa 01%, Sở Giao thông vận tải tối đa 01%, Sở Công Thương tối đa 01%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh tối đa 01%, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tối đa 01%, Sở Nội vụ tối đa 01%, Công an tỉnh tối đa 01%, Ban Dân vận Tỉnh ủy tối đa 01%, Sở Tư pháp tối đa 01%, Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 01%, Liên minh Hợp tác xã tối đa 01%, Hội Nông dân tối đa 01%)*”.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “*Phân bổ cho các cơ quan cấp* ***tỉnh tối đa 44%*** *tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3 (****Ban Dân tộc tối đa 10,5%,*** *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối đa 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo tối đa 01%, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tối đa 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tối đa 01%, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tối đa 01%, Sở Y tế tối đa 01%, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh tối đa 01%, Sở Tài chính tối đa 01%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tối đa 10%, Sở Kế hoạch và Đầu tư tối đa 01%, Sở Giao thông vận tải tối đa 01%, Sở Công Thương tối đa 01%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh tối đa 01%, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tối đa 01%, Sở Nội vụ tối đa 01%, Công an tỉnh tối đa 01%, Ban Dân vận Tỉnh ủy tối đa 01%, Sở Tư pháp tối đa 01%, Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 01%, Liên minh Hợp tác xã tối đa 01%, Hội Nông dân tối đa 01%;* ***Sở Xây dựng tối đa 01% và Sở Tài nguyên và Môi trường tối đa 01%***)”.

Số kế hoạch vốn còn lại dư ra (11%) đề nghị tiếp tục phân bổ cho các địa phương theo nguyên tắc tiêu chí tại gạch đầu dòng thứ 2, khoản 3 Điều 16.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Sở Xây dựng là thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh, trực tiếp hướng dẫn kiểm tra về nội dung nhà ở; Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra các nội dung liên quan đến nhiệm vụ của ngành, do đó đề nghị bổ sung kinh phí để các đơn vị thực hiện kiểm tra, giám sát chương trình.

- Điều chỉnh tăng tỷ lệ, số kế hoạch vốn cho cấp huyện để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chương trình, trong đó có nội dung tổ chức Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng theo điểm 4, Điều 19, Thông tư 15/2022/TT-BTC. Số kế hoạch vốn giao cho Ban Dân tộc 10,5% đảm bảo đủ kinh phí để cho cơ quan cấp tỉnh thực hiện các nội dung kiểm tra, giám sát … theo quy định.

Do đó, việc điều chỉnh phân bổ cụ thể cho các đơn vị là phù hợp với văn bản và tình hình thực tế.

**Phần thứ ba**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2022/NQ-HĐND**

**1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8**

***- Tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 1 - Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng), quy định: “*Phân bổ cho các địa phương: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt*”.

***- Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau***: “

“b) Phân bổ cho các địa phương: Theo tiêu chí và hệ số cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo** | **Hệ số** |
| Dưới 20% | 0,4 |
| Từ 20% đến dưới 30% | 0,5 |
| Từ 30% đến dưới 40% | 0,6 |
| Từ 40% đến dưới 50% | 0,7 |
| Từ 50% đến dưới 60% | 0,8 |
| Từ 60% trở lên | 0,9 |

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo** | **Hệ số** |
| Dưới 2.000 hộ | 0,4 |
| Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ | 0,5 |
| Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ | 0,6 |
| Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ | 0,7 |
| Từ 5.000 hộ trở lên | 0,8 |

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa bàn khó khăn** | **Hệ số** |
| Huyện nghèo | 0,12 |

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

| **Số đơn vị hành chính cấp xã** | **Hệ số** |
| --- | --- |
| Dưới 11 xã | 1,0 |
| Từ 11 xã đến 15 xã | 1,15 |
| Từ 16 xã trở lên | 1,3 |

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:  **Ci = Q.Xi.Yi**

Trong đó:

**Ci** là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i.

**Xi** là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i.

**Yi**là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i, được tính theo công thức: **Yi** = HNi x 2,5 + ĐVi

HNi là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i.

ĐVi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i.

**Q** là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện tiểu dự án 1 của Dự án 3”.

Lý do sửa đổi, bổ sung: Trong năm 2022, thực hiện phân bổ vốn theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh - phân bổ theo dự án được duyệt gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai chậm vì kế hoạch vốn hằng năm cấp huyện chưa được giao nên chưa chủ động, xác định được số kế hoạch vốn để chỉ đạo các chủ trì liên kết triển khai lập dự án, dẫn đến trường hợp thiếu hoặc thừa kế hoạch vốn.

Việc phân bổ hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển cộng đồng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ theo nhóm tiêu chí, nhóm tỷ lệ sẽ bám sát theo đúng định hướng của Trung ương ưu tiên phân bổ vốn cho địa bàn đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn hơn; nhằm tạo sự chủ động cho các địa phương trong thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Tiêu chí, hệ số áp dụng theo đúng tiêu chí, hệ số tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Dự án 2 – Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo).

**2. Sửa đổi nội dung tại tiêu chí số 2, điểm b khoản 1 Điều 9**

**- *Tại tiêu chí số 2, điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND*** *(*Tiểu dự án 1 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn thuộc Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững), có ghi chú: *“(Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo* ***tỷ lệ*** *hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân của tỉnh)”.*

***- Đề nghị sửa đổi như sau:*** “(*Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo* ***bình quân******số*** *hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân của tỉnh)”.*

Lý do sửa đổi: Sửa đổi để chính xác, phù hợp với tên tiêu chí 2 – Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương.

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9**

***- Tại khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 3 - Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững), quy định phân bổ vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3 thuộc dự án 4 theo nguyên tắc: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương theo tiêu chí và hệ số cụ thể.

***- Đề nghị sửa đổi bổ sung khoản 3a như sau:***

“***3a. Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ vốn theo dự án đầu tư cụ thể được cấp thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết***”.

Đối với vốn sự nghiệp tiếp tục áp dụng theo khoản 3 Điều 9.

Lý do điều chỉnh bổ sung:

+ Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 3617/LĐTBXH-VL ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Tiểu dự án “Hỗ trợ việc làm bền vững” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn đầu tư phát triển.

+ Trên cơ sở tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của UBND các huyện, thành phố đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Hiện nay 08/08 huyện, thành phố chưa triển khai lập dự án và thực hiện giải ngân nguồn vốn; đồng thời các huyện, thành phố đều đề xuất UBND tỉnh thu hồi phần vốn đầu tư năm 2022 đã cấp về UBND các huyện, thành phố cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh để thực hiện phân bổ nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2022-2025 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện. Vì kinh phí cấp cho các huyện, thành phố không đồng đều (do tính theo nguyên tắc, tiêu chí) cho nên cấp huyện không có khả năng thực hiện đồng bộ nội dung này theo hướng dẫn của các văn bản quy định. Để triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư của Tiểu dự án trên, các huyện, thành phố đề nghị cấp tỉnh cần tổ chức lập dự án các nội dung hoạt động trong cả giai đoạn 2022-2025 để có sự thống nhất đồng bộ từ trung ương đến tỉnh, huyện và có lộ trình triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh theo hướng dẫn của trung ương, đảm bảo đồng bộ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu, phát huy hiệu quả nguồn vốn và đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

+ Tại Hội nghị tập huấn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 do Cục Việc làm - Bộ Lao động –TB&XH tổ chức tại tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/11/2022, đại diện Cục Việc làm trao đổi nội dung liên quan đến phần vốn đầu tư thực hiện Tiểu dự án 3 - Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo hướng: Giao cấp tỉnh lập dự án triển khai thực hiện đồng bộ các hạng mục nội dung để đạt được mục tiêu, hiệu quả mà Chương trình đề ra.

**4.** **Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11**

***- Tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND*** (Tiểu dự án 1 – Giảm nghèo về thông tin thuộc Dự án 6 – Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin) quy định “*Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D); phần ngân sách còn lại (100% - 30% - D) thực hiện phân bổ cho các địa phương*”.

***- Đề nghị sửa đổi bổ sung như sau:*** *Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D); phần ngân sách còn lại* ***tối thiểu*** *(100% - 30% - D) thực hiện phân bổ cho các địa phương*”.

Lý do điều chỉnh bổ sung: Đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện Nghị quyết.

**Phần thứ tư**

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

Các nội dung bổ sung, sửa đổi thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Riêng các nội dung sau được áp dụng thời gian thực hiện ngay sau khi Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Nội dung bổ sung tiêu chí “diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý” tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

b) Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

c) Nội dung bổ sung điều 15a Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

d) Nội dung sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, khoản 2 Điều 16, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND.

đ) Nội dung sửa đổi, bổ sung tiêu chí số 2, điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND.

e) Nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND.

f) Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 11

\* Căn cứ đề xuất thời gian nêu trên:

- Theo quy định tại khoản 3, Điều 53 Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015: “*Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành*”, do đó việc điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là không đảm bảo theo quy định, đồng thời việc điều chỉnh dự toán của các đơn vị, địa phương vào thời điểm tháng 12/2022 sẽ rất khó khăn cho các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Chương trình do thời gian thực hiện còn rất ngắn (theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, các đơn vị phải có khối lượng thực hiện từ 31/12/2022 trở về trước mới đủ điều kiện để giải ngân, thanh toán và thời hạn giải ngân, thanh toán nguồn vốn của Chương trình đến hết ngày 31/01/2023).

- Đối với nội dung bổ sung tiêu chí tại điểm b khoản 1 Điều 9; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9; bổ sung điều 15a; sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 và sửa đổi, bổ sung tiêu chí số 2, điểm b khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 không ảnh hưởng đến việc điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị, do đó đề nghị thực hiện ngay khi Nghị quyết có hiệu lực.

- Đối với nội dung sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, khoản 2 Điều 16, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 (vốn đầu tư) và sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 (vốn đầu tư) tác động đến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, do đó đề nghị thực hiện ngay khi Nghị quyết có hiệu lực để đảm bảo đồng nhất trong thực hiện kế hoạch đầu tư công./.